

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



GIÁO TRÌNH

LOẠI THỂ VĂN HỌC

VŨ MINH CHIẾN - 2002

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| MỤC LỤC..... | 1 |
| Khái niệm chung về loại thể văn học..... | 3 |
| LOẠI TỰ SỰ..... | 6 |
| I. Khái niệm chung | 6 |
| II. Phân loại tác phẩm tự sự | 8 |
| ANH HÙNG CA | 8 |
| TRƯỜNG CA..... | 10 |
| TIỂU THUYẾT..... | 11 |
| 1. Khái niệm chung về tiểu thuyết..... | 11 |
| 2. Vấn đề hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết..... | 14 |
| 3. Nhân vật trong tiểu thuyết | 15 |
| TRUYỆN VỪA..... | 16 |
| TRUYỆN NGẮN..... | 17 |
| LOẠI TRỮ TÌNH..... | 19 |
| I. Khái niệm | 19 |
| II. Phân loại tác phẩm trữ tình..... | 20 |
| 1. Thơ trữ tình..... | 20 |
| 2. Thơ văn xuôi | 35 |
| 3. Tùy bút..... | 35 |
| 4. Truyện thơ..... | 35 |
| LOẠI KỊCH..... | 37 |
| I. Kịch phản ánh cuộc sống cụ thể và trực tiếp..... | 37 |
| II. Hành động là phương tiện thể hiện chủ yếu của kịch..... | 38 |
| III. Xung đột thể hiện tư tưởng của vở kịch..... | 40 |
| IV. Kịch bản phải bắt đầu từ tính cách nhân vật..... | 44 |
| V. Bố cục câu chuyện kịch | 48 |
| VI. Cấu trúc vở kịch theo sự biến | 49 |
| VII. Từ thắt nút đến mở nút | 54 |
| VIII. Thể kịch..... | 60 |
| IX. Công việc cuối cùng: ngôn ngữ | 62 |
| CÁC THỂ KÝ..... | 68 |
| I. Khái niệm chung | 68 |
| II. Sự phân loại trong ký | 68 |
| 1. Ký tự sự..... | 69 |
| 2. Ký trữ tình | 69 |
| 3. Ký chính luận..... | 69 |
| III. Nguyên tắc điển hình hóa trong ký..... | 72 |
| IV- Đối tượng khách quan và vai trò chủ quan của người viết trong thể ký..... | 74 |
| Tài liệu tham khảo chính..... | 76 |

VÀI LỜI MỞ ĐẦU

Loại thể văn học đã được đặt ra rất sớm trong lịch sử nghiên cứu văn học. Ngay từ thời cổ đại, nhà triết học duy vật lỗi lạc Aristtote đã chia văn học ra làm ba loại: tự sự, trữ tình và kịch, và từ đó đến nay, về cơ bản, phần đông các nhà lý luận đều dựa trên cách phân loại của Aristtote. Bêlinxki trong bài báo “Sự phân chia thơ ra loại và kiểu” (1841) đã nhấn mạnh rằng: “Thơ (tức văn học) chỉ có ba loại, ngoài ra không có loại nào nữa, và cũng không thể có hơn”.¹

Ở Việt Nam, quan điểm chính thức của các nhà lý luận hàng đầu chia văn học ra bốn loại: tiểu thuyết, thơ, kịch và các thể ký². Năm 1997, giáo trình Lý luận văn học của Trường đại học Tổng hợp Hà Nội vẫn giữ quan điểm trên³. Cũng trong năm 1997, một công trình đồ sộ gồm những nhà lý luận văn học hàng đầu của Việt Nam dày hơn bảy trăm trang giấy khổ lớn, do giáo sư Phương Lưu chủ biên, phần Loại thể văn học do giáo sư Trần Đình Sử viết lại chia văn học thành năm loại: Tác phẩm trữ tình, Tác phẩm tự sự, Kịch bản văn học, Tác phẩm ký văn học, Tác phẩm chính luận⁴. Việc chia văn học thành năm loại như trên xem ra chưa được nhất quán trong tiêu chí phân loại và cũng còn phải bàn thêm.

Giáo trình của chúng tôi theo quan điểm phân loại văn học của Aristtote, Hêghen và Bêlinxki. Tuy nhiên, chúng tôi trình bày phần ký riêng ở cuối giáo trình vì ký ngoài yếu tố tự sự và trữ tình ra còn một số đặc trưng chung.

Về khái niệm thuật ngữ *Loại thể* và *Thể loại* văn học, ở Việt Nam, các nhà lý luận đều thống nhất quan niệm văn học chia ra các *loại*, trong mỗi loại có nhiều *thể*. Nhưng trong thực tế ít ai dùng một từ *thể* mà thường thêm chữ *loại* vào thành là *Thể loại văn học* để chỉ khi thì là *loại*, khi thì là *thể*. Việc này đã gây ra lẫn lộn trong phần đông bạn đọc. Chỉ có Gulaiep trong cuốn *Lý luận văn học* là phân biệt văn học chia thành các *loại*, trong mỗi *loại* có các *thể*, ở mỗi *thể* lại có các *thể loại*⁵. Trong giáo trình của chúng tôi theo quan niệm trên.

Đà Lạt, nhân dịp khai giảng năm học 2001 – 2002

Tác giả

¹ Lý luận văn học. Chuyển dẫn theo Trần Đình Sử, Nxb Giáo dục, H., 1997, tr.348.

² Xem Cơ sở lý luận văn học. Tổ bộ môn lý luận các trường đại học Sư phạm Hà Nội, Sư phạm Vinh và Tổng hợp Hà Nội. Nxb Giáo dục, H., 1973.

³ Xem Lý luận văn học. Hà Minh Đức (chủ biên). Nxb Giáo dục, H., 1997.

⁴ Xem Lý luận văn học. Phương Lưu (chủ biên). Nxb Giáo dục, H., 1997.

⁵ Về vấn đề này, xin đọc thêm Chung quanh việc sử dụng thuật ngữ trong phân loại tác phẩm. Phạm Quang Trung. Tạp chí văn học, số 2, 1994, tr.48.

Khái niệm chung về loại thể văn học

Trong xã hội nguyên thủy không tồn tại những loại hình nghệ thuật riêng biệt, độc lập, càng chưa có những loại thể văn học riêng. Người ta thấy tồn tại một sự hỗn hợp giữa các hình thức khác nhau gồm những yếu tố của thơ ca, nhảy múa, âm nhạc và những động tác kịch câm của một cuộc trình diễn tập thể. Những cuộc trình diễn tập thể đó vẫn còn được duy trì trong đời sống một vài dân tộc vùng viễn Đông đến tận ngày nay. Thơ ca xuất hiện đầu tiên và tồn tại một thời gian dài. Những bộ sử thi đầu tiên và những vở bi kịch cũng được sáng tác bằng thơ.

Loại trữ tình xuất phát từ những thơ ca dân gian thể hiện những tâm trạng vui buồn của quần chúng nhân dân. Loại tự sự ra đời do nhu cầu con người muốn ghi lại những thần thoại và những truyền thuyết dân gian. Loại kịch phát triển từ những vũ điệu kịch câm gắn liền với việc trình diễn những khía cạnh riêng biệt trong cuộc sống lao động. Các hình thức văn học tự sự, trữ tình và kịch cùng với sự phát triển của xã hội dần dần trở nên phức tạp, mất tính thuần khiết ban đầu về thể loại, chuyển hóa lẫn nhau đến nỗi ngày nay các nhà nghiên cứu gặp khó khăn trong việc qui định những giới hạn rạch ròi giữa chúng, trong việc nêu đặc tính những biến thể hết sức phong phú của chúng.

Dù có chuyển hóa lẫn nhau, thâm nhập vào nhau, nhưng loại thể văn học có những yếu tố tương đối ổn định. Đã là thơ ca, thì từ thơ ca cổ đại, phương Đông hay phương Tây, cho đến ngày nay mặc dù rất khác nhau về nội dung, nhưng có những mặt gần gũi về âm điệu, cảm xúc của tâm hồn. Tiểu thuyết *Hồng lâu mộng* của Tào Tuyết Cần, đến những tiểu thuyết của Banzắc, Liép - Tônxtôi... với những cuốn tiểu thuyết của Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao... mặc dù cách xa nhau về thời gian, không gian, nhưng cũng có những nét giống nhau, đó là ý thức mô tả cuộc sống trung thực, khách quan, với những chất liệu phong phú về cuộc sống xã hội, và cách kể truyện khá tỉ mỉ, chân thực về con người và sự việc trong tác phẩm. Những yếu tố tương đồng và tương đối ổn định đó trong văn học biểu hiện mặt loại thể của văn học. (Tất nhiên còn biểu hiện nhiều mặt khác nữa). Loại thể văn học thuộc về phương thức, về cách thể hiện cuộc sống trong văn học cũng như cách cấu tạo và biểu hiện nội dung trong tác phẩm văn học cụ thể. Tác phẩm văn học tồn tại trong những hình thức của các loại thể văn học. Một cuốn tiểu thuyết, một bài thơ, một vở kịch, một thiên ký sự, không có tác phẩm nào tồn tại ngoài hình thức quen thuộc của loại thể. Phân tích một tác phẩm không thể bỏ qua những đặc trưng của loại thể.

Những đặc trưng về loại thể cũng ràng buộc, qui định sự sáng tạo của người nghệ sĩ. Nhà nghệ sĩ phải nắm được những đặc trưng về loại thể, không vi phạm những đặc trưng về loại thể, nhưng đồng thời nhà nghệ sĩ bằng tài năng của mình làm những đặc trưng về loại thể thêm phong phú, góp phần phát triển loại thể.

Loại thể có những mặt tương đối ổn định, nhưng cũng có những mặt mất đi và luôn luôn phát triển. Loại thể không phải là cái gì “nhất thành bất biến”. Có như vậy văn học mới phát triển. Lấy ví dụ như thơ : ở phương Đông thơ đi từ thơ cổ Trung Quốc phát triển đến thơ Đường, với những luật lệ hết sức chặt chẽ, nhưng đến thời kỳ cận hiện đại thơ Đường không còn hợp thời nữa, thơ Mới xuất hiện. Tiểu thuyết cũng vậy. Từ tiểu thuyết chương hồi của Trung Quốc đến tiểu thuyết tâm lý. Ngày nay trào lưu tiểu thuyết mới ra đời và phát triển ở phương Tây hết sức rầm rộ. Từ tiểu thuyết hiện thực thế kỷ XIX đến tiểu thuyết hiện đại thế kỷ XX đã rất khác nhau.

Loại thể cũng có tính dân tộc, có những đóng góp riêng của từng dân tộc. Thơ phương Đông khác thơ phương Tây, nhưng thơ Việt Nam cũng không hoàn toàn giống thơ phương Đông. Ký và tiểu thuyết cũng vậy.

Vậy người ta căn cứ vào đâu để phân chia loại, thể văn học ?

Aristtote căn cứ vào phương thức mô tả để phân chia loại, thể văn học. Ông nhận thấy rằng cùng một hiện tượng có ba phương thức mô tả chính:

Một là tự bộc lộ tư tưởng, cảm xúc của mình khi đứng trước một hiện tượng; hai là kể về một sự kiện, sự việc nào đó tách biệt khỏi bản thân mình; ba là trình bày những nhân vật bằng cách bắt chước những hành động của họ. Ông viết: “Hoặc có thể như Homere kể về sự kiện như một cái gì ở ngoài mình, hoặc là người mô phỏng vẫn là bản thân anh ta, không thay đổi bộ mặt của mình hoặc là trình bày mọi nhân vật được miêu tả như là người hành động và hoạt động.”¹ Quan điểm của Aristtote sau này được Tsécnr sépki và Đôbrôliubốp phát triển thêm.

Hêghen lấy đối tượng mô tả làm cơ sở để phân loại tác phẩm văn học. Loại tự sự mô tả sự kiện, loại trữ tình mô tả trạng thái tâm hồn, loại kịch mô tả hành động. Quan điểm này được Bêlinxki phát triển sâu sắc và chi tiết hơn trong bài báo *Sự phân chia thơ ra loại và kiểu* (1841). Bêlinxki phân tích đặc điểm các loại thể, trình bày sự diễn biến và phát triển của nó và khẳng định: “Thơ (tức là văn học – VMT) chỉ có ba loại, ngoài ra không có loại nào nữa và cũng không thể có hơn”. Theo ông, loại tự sự tái hiện đời sống thông qua việc mô tả sự kiện, trong đó có sự thâm nhập sâu sắc tư tưởng, tình cảm của nhà nghệ sĩ vào trong các yếu tố của tự sự, ở đây, nhà nghệ sĩ không xuất hiện trực tiếp, một thế giới tạo hình xác định đang tự phát triển. Nhà nghệ sĩ dường như chỉ có một việc làm là kể lại các sự kiện tự vận động và tự kết thúc. Bởi vì, ở loại này, tác giả có thể đứng ngoài mà kể, cũng có thể để cho nhân vật tự kể; sự phản ánh của nó có thể hết sức sâu rộng, chi tiết.

Nội dung thì vô cùng phong phú, nhưng phương thức phản ánh thì có hạn. Từ đó Aristtote chia văn học ra ba loại chính: tự sự, trữ tình và kịch.

Trong loại tự sự, tiêu biểu là tiểu thuyết, lấy cuộc sống khách quan làm mục đích và làm đối tượng mô tả chính. Hiện thực khách quan với những qui mô xã hội khác nhau trong đó nổi lên là những con người hoạt động xoay quanh những sự kiện xã hội. Hêghen cho rằng sự kiện gắn liền với phương thức tự sự. Phương thức tự sự là phương thức mô tả lớn và quan trọng nhất của văn học. Chức năng hiểu biết, khám phá thực tại chủ yếu được thực hiện qua phương thức tự sự. Phương thức tự sự miêu tả mối quan hệ phong phú giữa con người và cuộc sống khách quan, nhằm nhận thức thế giới một cách chân thực, phát hiện và đi vào chiều sâu của thực tại, góp phần cải tạo cuộc sống.

Phương thức trữ tình cũng được xác lập qua mối quan hệ giữa con người và thực tại. Những hiện tượng cuộc sống tác động đến con người khiến con người xúc động và suy nghĩ. Biểu hiện những tâm trạng, những cảm nghĩ của con người trước những sự kiện của cuộc sống chính là chức năng của phương thức trữ tình. Còn con người là còn suy nghĩ trầm trở và xúc cảm. Cũng như phương thức tự sự, phương thức trữ tình tồn tại với cuộc sống con người. Nếu phương thức tự sự đóng góp nhiều vào khả năng nhận thức thực tại thì phương thức trữ tình lại gợi nhiều về mặt tự nhận thức. Những suy nghĩ, cảm xúc của tác giả phải trở thành những suy nghĩ cảm xúc của một thế hệ trước những vấn đề đặt ra của đời sống. Phương thức tự sự và phương thức trữ tình xác định và phản ánh mối quan hệ cơ bản giữa

¹ Aristtote. Nghệ thuật thi ca. Theo Trần Đình Sử. Lý luận văn học, Phương Lưu (chủ biên). Nxb Giáo dục, H., 1997, trang 348.

con người và cuộc sống khách quan ở cả hai phía nhận thức thế giới khách quan và nhận thức bản thân mình trước cuộc sống bên ngoài.

Phương thức kịch:

Nói đến kịch là nói đến hành động. Phương thức kịch là phương thức phản ánh cuộc sống bằng cách bắt chước hành động, dùng hành động của nhân vật để mô tả một sự việc, sự kiện nào đó. Con người trong kịch là con người đang hành động. Trong kịch, tính cách con người được bộc lộ qua hành động. Cũng chính vì thế mà hành động của con người trong kịch được đặt trong nhiều tình huống, nhiều cảnh ngộ khác nhau. Thông thường, trong những tình huống gay cấn, căng thẳng, tính cách con người dễ bộc lộ một cách rõ nét. Chính vì vậy trong kịch hành động thường đặt trong những tình huống xung đột gay gắt. Xung đột và hành động tạo nên những đặc điểm trọng yếu của kịch.

LOẠI TỰ SỰ

I. Khái niệm chung

Khác với tác phẩm trữ tình thể hiện cảm xúc, tâm trạng, ý nghĩ của con người trước hiện thực đời sống một cách trực tiếp, tác phẩm tự sự phản ánh đời sống trong tính khách quan vốn có của nó, thông qua hệ thống sự kiện, nhân vật, với vai trò dẫn dắt của một người kể chuyện.

Trước hết, khái niệm tính khách quan ở đây mang một tính tương đối, bởi vì bất cứ một hiện tượng khách quan nào được tái hiện lại trong một tác phẩm đều phải thông qua sự nhận thức, khái quát, đánh giá, thể hiện thông qua chủ quan của tác giả. Sự “mô tả khách quan” đó chính là sự thống nhất biện chứng giữa chủ quan và khách quan.

Ở đây ta thấy ý kiến khác nhau giữa Hêghen và Bêlinxki. Hêghen cho rằng đặc trưng của loại tự sự là ở chỗ trong đó không thấy rõ cá nhân người nghệ sỹ, những thiện cảm và say mê của ông ta ... Bêlinxki thì nhấn mạnh rằng đã, đang và sẽ không có sự mô tả thực tại nào mà trong đó lại không nghe thấy, vang lên tiếng nói của chính tác giả, trong đó ý kiến của ông ta lại tắt ngấm. Ngay trong “*Iliát*” vốn được coi là mẫu mực của tính khách quan nghệ thuật, thái độ của Homere đối với các nhân vật của mình (Asin và những nhân vật khác) vẫn rất rõ ràng.

Trong văn học, tính khách quan là thuộc tính của thế giới nghệ thuật bên ngoài, độc lập với chủ quan của người nghệ sỹ. Aristotte cho rằng trong tác phẩm tự sự, người trần thuật kể lại các sự kiện và con người như là những gì xảy ra bên ngoài mình, không liên quan gì đến tình cảm, ý muốn của anh ta. Bêlinxki cũng cho rằng: “Thơ tự sự chủ yếu là thơ khách quan, bên ngoài cả trong quan hệ với chính nó, với nhà thơ và cả với người đọc ... Ở đây không thấy nhà thơ: thế giới được xác định một cách lập thể, tự nó phát triển, và nhà thơ dường như chỉ là người trần thuật giản đơn những gì đã tự nó xảy ra”¹.

Tính khách quan ở đây thực chất chỉ là nguyên tắc tái hiện đời sống và thuyết phục người đọc của loại tác phẩm tự sự, cũng như tính chủ quan là nguyên tắc tái hiện và thuyết phục người đọc của loại trữ tình. Như trên đã nói, tính khách quan ở đây chỉ là tương đối. Nói như Trần Đình Sử, tính khách quan của tác phẩm tự sự chỉ là “ảo giác nghệ thuật” về tính khách quan của văn học.

Để tái hiện đời sống một cách khách quan, tác phẩm tự sự tập trung phản ánh đời sống xã hội, nhân vật qua các biến cố, sự kiện, qua đó vẽ lên được bức tranh về xã hội, nêu lên được bản chất và tính cách của các nhân vật, chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

Trong tác phẩm tự sự, sự kiện có ý nghĩa đặc biệt lớn lao. Nhân vật, sự kiện, hệ thống sự kiện phải là đường dây dẫn dắt câu chuyện phát triển, qua đó nghệ sỹ phơi bày những mặt nhất định của xã hội và con người, những niềm vui và nỗi khổ của con người cũng như những mặt trái trong tính cách con người, những cái ác còn tồn tại trong xã hội, qua đó người đọc hiểu rõ bản chất của xã hội, khám phá ra nguyên nhân gây ra những đau khổ cho con người, nhằm thúc đẩy con người cải tạo xã hội, xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Tác phẩm tự sự còn có khả năng đi sâu mô tả thế giới bên trong của con người, những tâm trạng, cảm xúc, kể cả những ý nghĩ thầm kín nhất của con người. Hêghen đã

¹ Bêlinxki: Sự phân chia thơ ra loại và kiểu. Chuyển dẫn theo Trần Đình Sử. Lý luận văn học (Phương Lưu chủ biên), Nxb giáo dục, H., 1997. Trang 375.

nói: “Cần phải trần thuật về những tình cảm, những suy nghĩ, cũng như về tất cả những gì bề ngoài như một cái gì đã xảy ra, đã nói ra, đã nghĩ ra”¹.

Như vậy, tác phẩm tự sự có khả năng tái hiện lại những bức tranh lịch sử xã hội rộng lớn đồng thời còn thể hiện được mọi biểu hiện bên trong và bên ngoài của con người. Con người ở đây được miêu tả trong mối quan hệ đa dạng phức tạp với hoàn cảnh.

Trong tác phẩm tự sự, nhân vật dường như hoạt động tự do theo ý chí của mình, nhưng trong thực tế tất cả mọi hành vi của nhân vật đều được quyết định bởi môi trường xung quanh. Về phương diện này, Hêghen đã chỉ ra rằng: “... Số phận thống trị trong loại tự sự chứ không phải trong kịch như người ta thường nghĩ”.² “Định mệnh” trong nghệ thuật tự sự không chỉ được biểu hiện như là sự can thiệp của thần linh vào đời sống các nhân vật (như trong Iliát và Ôđizê chẳng hạn). Hêghen cho luận điểm của mình một ý nghĩa rộng lớn hơn. Ông nói về sức mạnh của những hoàn cảnh bên ngoài đã qui định hành vi của con người. “Số phận” đó “có nghĩa là tính tất yếu của lý tính, là qui luật của hiện thực, là các tương quan của nguyên nhân và kết quả”³, nói tóm lại là cuộc sống trong sự vận động tự thân của nó.

Trong tác phẩm tự sự, nhà văn xuất hiện với tư cách là người phân tích, nghiên cứu thực tại, làm sáng tỏ những hoàn cảnh đã buộc các nhân vật hành động như thế này hoặc như thế khác. Trong các truyện ngắn của Sêkhốp, toàn bộ hệ thống những mối quan hệ xã hội của nước Nga làm mất nhân cách của con người đã đóng vai trò của số phận. Trong “Chiến tranh và hoà bình” của L. Tônxtôi, số phận là sự kết hợp chông chéo nhau của những biến cố lịch sử không lệ thuộc vào ý chí của các tướng soái và Sa hoàng, những biến cố này đã qui định tiến trình chiến tranh. Chính vì vậy, miêu tả tính chính thể khách quan của thế giới là đặc trưng của tác phẩm tự sự, ở đây môi trường, hoàn cảnh được mô tả một cách cụ thể, chi tiết hơn bất cứ một loại văn học nào khác.

Như trên đã nói, sự kiện có vai trò quan trọng trong tác phẩm tự sự. Sự kiện là những mối liên hệ của thế giới. Theo mối liên hệ của sự kiện, tác giả có thể dẫn dắt người đọc đi về những thời gian và không gian khác nhau. Trong tác phẩm tự sự, hầu như không bị giới hạn bởi không gian và thời gian, nó có thể chỉ là một khoảnh khắc nhưng cũng có thể là một đời người, nhiều đời người. Trong kịch không thể như vậy, bởi vì kịch luôn bị giới hạn về thời gian và không gian qui định tính chất của kịch bản: Không thể đưa quá nhiều nhân vật lên sân khấu. Kịch không thể diễn quá dài hết đêm này sang đêm khác. Người xem truyện có thể dừng lại để lần sau xem tiếp. Nhà viết kịch cũng không thể dừng hành động kịch lại để xen vào những tình tiết xa xôi, những đoạn tả cảnh, tả tình dài dòng, hoặc những hồi tưởng chi tiết như trong tự sự. Nhân vật tự sự cũng được khắc hoạ, mô tả rất cụ thể và chi tiết, khác hẳn nhân vật trữ tình và kịch. Nhân vật tự sự được miêu tả cả bên trong lẫn bên ngoài, cả những điều nói ra và không nói ra, cả ý nghĩ và cái nhìn, cả tình cảm, cảm xúc, kể cả vô thức và tiềm thức.

Trong tác phẩm tự sự, cần nhấn mạnh đến nghệ thuật sử dụng chi tiết. Chi tiết làm cho các sự kiện và nhân vật được miêu tả mang tính cách cụ thể và sinh động, nếu thiếu những chi tiết chân thực, sự kiện và nhân vật sẽ trở nên trừu tượng, mất hẳn sức sống của hình tượng nghệ thuật. Chi tiết trong tác phẩm tự sự thường mang chất văn xuôi, xương xẩu nhất. Ta bắt gặp các chi tiết về chân dung, ngoại hình, về tâm lý, sinh lý, thói quen, về phong cảnh, phong

¹ Hêghen. Mỹ học. Chuyển dẫn theo Trần Đình Sử. Lý luận văn học, (Phương Lựu chủ biên). Sđd, trang 376.

² Hêghen. Những bài giảng về mỹ học theo Gulaiup, Lý luận văn học. Nxb Đại học và THCN, H., 1952, trang 224.

³ Chuyển dẫn theo Trần Đình Sử. Lý luận văn học (Phương Lựu chủ biên), Sđd, trang 377.

tục tập quán, về văn hoá làng xã, đô thị, về sản xuất ..., nói chung là tất cả các chi tiết liên quan đến đời sống xã hội, tính cách nhân vật...

Trong tác phẩm tự sự vai trò người kể chuyện rất quan trọng. Có thể nói không một trang nào, một dòng nào lại vắng mặt người kể chuyện. Người kể chuyện như biết hết mọi việc, kể cả những ý nghĩ thâm kín nhất của các nhân vật người kể chuyện cũng đều biết trước và kể lại cho người đọc. Gocrky đã nói về vai trò người kể chuyện trong tác phẩm tự sự: “Trong tiểu thuyết, trong truyện, những con người được tác giả thể hiện đều hành động với sự giúp đỡ của tác giả, tác giả luôn ở bên cạnh họ, tác giả mách cho người đọc biết rõ cần phải hiểu nhân vật như thế nào, giải thích cho người đọc hiểu những ý nghĩ thâm kín, những động cơ bí ẩn phía sau những hành động của các nhân vật được miêu tả, tô đậm thêm cho tâm trạng của họ bằng những đoạn miêu tả thiên nhiên, trình bày hoàn cảnh và nói chung là luôn luôn giắt dây cho họ thực hiện những mục đích của mình, điều khiển một cách tự do và nhiều khi rất khéo léo nhưng lại rất vô đoán – mặc dù người đọc không nhận thấy những hành động, những lời lẽ, những việc làm, những mối tương quan của họ, luôn luôn tìm mọi cách để làm cho các nhân vật trong truyện được rõ nét và có sức thuyết phục đến mức độ tối đa về phương diện nghệ thuật”.¹

Trong tác phẩm tự sự, nhiều khi người kể chuyện tỏ ra khách quan, không để lộ mối thiện cảm, ác cảm của mình đối với nhân vật, nhưng đằng sau lối kể chuyện khách quan nhiều khi lạnh lùng đó là một trái tim nóng hổi của nhà văn. Đồng thời, qua cách kể chuyện của nhà văn người đọc còn thấy được phong cách của nhà văn, cá tính của nhà văn nữa, người đọc nhận ra hình tượng người kể chuyện qua cái nhìn, cách cảm thụ, phương thức tư duy, năng lực trí tuệ và chất tình cảm của anh ta.

II. Phân loại tác phẩm tự sự

Sự phân loại tác phẩm tự sự dựa trên các tiêu chí về nội dung và hình thức. Về nội dung có thể chia ra các tác phẩm có chủ đề lịch sử, thế sự, đạo đức, đời tư. Về hình thức, có các thể loại cơ bản như anh hùng ca, trường ca, trường ca tự sự – trữ tình, tiểu thuyết, truyện vừa, truyện ngắn.

ANH HÙNG CA

Anh hùng ca là một tác phẩm tự sự mô tả những sự kiện trọng đại, to lớn, quyết định vận mệnh của dân tộc, của nhân dân. Anh hùng ca xuất hiện trong điều kiện xã hội còn tương đối hài hoà, khi mâu thuẫn trong xã hội còn chưa gay gắt, nhà thơ sống gắn bó với nhân dân. Những trang anh hùng ca lịch sử dân tộc thấm đượm màu sắc của những truyền thuyết thần thoại, như anh hùng ca của Homere “*Iliat – Oditxê*”. “*Iliat – Oditxê*” của Homere chỉ xuất hiện trong thời đại “ấu thơ của loài người”, khi cuộc sống còn chưa bị phân biệt thành “thơ và văn xuôi”, khi những mâu thuẫn xã hội còn chưa bộc lộ, và bởi vậy người kể chuyện có khả năng cất tiếng nói không chỉ nhân danh cá nhân mình mà còn nhân danh đồng bào mình. Tác giả là người phát ngôn những tư tưởng, tình cảm của toàn dân tộc, của toàn thể nhân dân. Trong anh hùng ca bao quát hiện thực một cách rộng lớn, nhiều mặt của hiện thực xã hội và đời sống nhân dân. Tất cả cuộc sống của xã hội Hy Lạp cổ đại (phong tục, tín ngưỡng, đạo đức, chiến tranh...) đều được phản ánh trong anh hùng ca của Homere. Sáng tác của Homere có tính dân tộc và tính nhân dân sâu sắc.

Bêlinxki, tiếp theo là Sêlinh và Hêghen đều cho rằng những đặc điểm quan trọng nhất của nhân dân trong thời đại ấu thơ của họ đã được phản ánh “trong sự dũng mãnh, sự

¹ Gocrki. Bàn về văn học. Nxb Văn học, Hà nội, 1965, trang 133.

can đảm và chủ nghĩa anh hùng”.¹ Bởi vậy, các trường ca sử thi cổ đại thường dựa trên những xung đột quân sự. Nội dung của “*Iliat – Oditxe*” của Homere là cuộc chiến tranh thành Tơroa.

Việc Homere hướng tới đề tài chiến tranh là hoàn toàn phù hợp với tinh thần của thời đại. Phong thái đạo đức, ý chí của một dân tộc và những đặc điểm căn bản trong đời sống của họ “đang độ ấu thơ” chỉ có thể được phơi bày trong những xung đột quân sự. Tuy nhiên, những xung đột quân sự, theo Bêlinxki, nhất thiết chỉ bắt buộc đối với anh hùng ca của thời cổ đại. Đối với anh hùng ca của thời cận đại vẫn có thể có những đề tài khác, cái chính là thể hiện được những nét căn bản của đời sống xã hội và tính cách dân tộc. Vào thời kỳ mà cuộc sống đã mất sự hài hòa của nó, anh hùng ca, theo Bêlinxki, không nhất thiết phải ca ngợi một sự kiện lịch sử vĩ đại, nó có thể thấm nhuần sự phủ định những hiện tượng xấu xa của hiện thực và ca ngợi những chiến sĩ đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng nhân dân khỏi ách áp bức. Nhiều nhà thơ, đầu tiên là Viécgin, và những nhà thơ Nga và Châu Âu thế kỉ XVIII (Vonte, Khêraxcôp ...) đã không nhận ra điều này, mô phỏng Homere một cách máy móc, coi “*Iliat và Oditxe*” như là mẫu mực vĩnh hằng của anh hùng ca. Theo Bêlinxki, Dante với “*Thần khúc*”, Tát-xô với “*Jêruxalem giải phóng*” là những người kế tục chân chính những truyền thống của Homere ở châu Âu thế kỉ XIV-XVI. “Và đó là vì Đantê không định bắt chước cả Homere lẫn Viécgin. Trường ca của ông là sự thể hiện đầy đủ cuộc sống thời trung cổ với môn thần học kinh viện giáo điều và những hình thức sống dã man, trong đó bao nhiêu là nhân tố khác nhau đang đối chọi nhau”². Đantê đã phản ánh trong tác phẩm của mình những nét điển hình của thời đại và do đó về nguyên tắc sáng tạo, ông gần gũi với Homere, mặc dù trong “*Thần khúc*” không có những cảnh chiến trận.

Cùng với quan điểm như vậy, Bêlinxki coi “*Phao-xtơ*” của Gớt là anh hùng ca.

Với sự phát triển của xã hội, mâu thuẫn giai cấp ngày càng gay gắt, những tiến bộ của nền văn minh, những tiền đề khách quan để xây dựng những tác phẩm sử thi theo kiểu của Homere ngày càng ít đi. Mác đã vạch rõ rằng Asin không thể có được trong thế kỷ của thuốc súng và đạn chì. Trong điều kiện xã hội phong kiến và tư bản cơ sở cho việc xuất hiện những anh hùng ca là những cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc với sự tham gia của toàn dân. Chính trên cơ sở lịch sử này đã xuất hiện “*Chiến tranh và hoà bình*” của L-Tôn-x Tôi.

Trong thời đại cách mạng vô sản, anh hùng ca là thể loại cũng cần và phải được phát triển. “*Con đường đau khổ*” của A.Tôn-x Tôi có thể dùng làm mẫu mực.

Đặc điểm nổi bật của anh hùng ca là ở chỗ mô tả những biến cố qui định vận mệnh của tổ quốc, của dân tộc và nhân dân. Nhân vật sử thi, trong khi biểu hiện ý chí tự do vẫn phải hoàn toàn phục tùng việc hoàn thành nghĩa vụ yêu nước và cách mạng cao cả, không có một quan tâm nào khác ngoài lợi ích của tổ quốc, của nhân dân. Do đó hình tượng trở nên lớn lao một cách phi thường, trong đó tập trung những nét điển hình của toàn dân mà vẫn không mất vẻ độc đáo cá nhân.

Về lời văn trong anh hùng ca là lối trần thuật khoan thai, trầm tĩnh, mang sắc thái ngợi ca, phong cách cường điệu cao cả.

¹ Bêlinxki. Sự phân chia thơ ca ra thành các loại thể. Chuyển dẫn theo Gulaiép, Lý luận văn học, sđd, trang 277.

² Bêlinxki. Sự phân chia thơ ca ra thành các loại thể. Chuyển dẫn theo Gulaiép, Lý luận văn học, sđd, trang 277.